Cơ quan: Bộ Giao thông Vận tải
Email: vpmot@mt.gov.vn
Thời gian ký: 31.12.2020 11:22:38 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2461 /QĐ-BGTVT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục, quy trình điện tử giải quyết từng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giao thông vận tải được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục, quy trình điện tử giải quyết từng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giao thông vận tải được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu: VT, TTCNTT.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

DANH MỤC, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CƠ QUAN BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2461/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Mã TTHC	Tên Quy trình điện tử	Đơn vị giải quyết
I - Lĩnh vực Đường bộ			
1.	1.000314	Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đấu nối tạm thời vào quốc lộ đang khai thác	Tổng cục ĐBVN
2.	1.000583	Gia hạn Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đấu nối vào quốc lộ đang khai thác	Tổng cục ĐBVN
3.	1.001046	Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đấu nối vào quốc lộ đang khai thác	Tổng cục ĐBVN
4.	1.001075	Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ đang khai thác	Tổng cục ĐBVN
5.	1.005210	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	Tổng cục ĐBVN
6.	2.001921	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	
6.1		*Bộ Giao thông vận tải chấp thuận trường hợp xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông của đường bộ cao tốc, trừ công trình điện lực có cấp điện áp từ 35 kV trở xuống*	Vụ KCHTGT
6.2		*Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ do Bộ Giao thông vận tải quản lý đối với các trường hợp:* *- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ có tổng chiều dài lớn hơn 01 km, trừ công trình điện lực có cấp điện*	Tổng cục ĐBVN

TT	Mã TTHC	Tên Quy trình điện tử	Đơn vị giải quyết
		áp từ 35 kV trở xuống; *- Công trình điện lực có cấp điện áp lớn hơn 35 kV (trừ đường dây tải điện giao cắt phía trên quốc lộ có cột nằm ngoài phạm vi hành lang an toàn của quốc lộ); đường ống cấp, thoát nước có đường kính lớn hơn 200 mm; công trình thủy lợi, thủy điện, băng tải; đường ống năng lượng, hóa chất; công trình xây dựng cầu, cống cắt ngang qua quốc lộ;* *- Xây dựng công trình thiết yếu liên quan đến phạm vi quản lý của từ hai cơ quan quản lý quốc lộ trở lên;* *- Xây dựng công trình thiết yếu lắp đặt vào cầu có tổng chiều dài phần kết cấu nhịp lớn hơn 100 m; xây dựng công trình thiết yếu trong hầm đường bộ*	
7.	2.001915	Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	
7.1		*Bộ Giao thông vận tải chấp thuận trường hợp xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông của đường bộ cao tốc, trừ công trình điện lực có cấp điện áp từ 35 kV trở xuống*	Vụ KCHTGT
7.2		*Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ do Bộ Giao thông vận tải quản lý đối với các trường hợp:* *- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ có tổng chiều dài lớn hơn 01 km, trừ công trình điện lực có cấp điện áp từ 35 kV trở xuống;* *- Công trình điện lực có cấp điện áp lớn hơn 35 kV (trừ đường dây tải điện giao cắt phía trên quốc lộ có cột nằm ngoài phạm vi hành lang an toàn của quốc lộ); đường ống cấp, thoát nước có đường kính lớn hơn*	Tổng cục ĐBVN

TT	Mã TTHC	Tên Quy trình điện tử	Đơn vị giải quyết
		200 mm; công trình thủy lợi, thủy điện, băng tải; đường ống năng lượng, hóa chất; công trình xây dựng cầu, cống cắt ngang qua quốc lộ; *- Xây dựng công trình thiết yếu liên quan đến phạm vi quản lý của từ hai cơ quan quản lý quốc lộ trở lên;* *- Xây dựng công trình thiết yếu lắp đặt vào cầu có tổng chiều dài phần kết cấu nhịp lớn hơn 100 m; xây dựng công trình thiết yếu trong hầm đường bộ*	
8.	1.002798	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc	Vụ KCHTGT
9.	1.002556	Công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác	Cục QLXD
II - Lĩnh vực Hàng hải			
1.	1.001099	Cấp Giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển	Cục Hàng Hải Việt Nam
2.	2.000378	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	Cục Hàng Hải Việt Nam, Vụ Môi trường
3.	1.000563	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại ô nhiễm dầu (CLC 1992)	Cục Hàng Hải Việt Nam
4.	1.000469	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu 2001 (BCC)	Cục Hàng Hải Việt Nam
5.	1.001810	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển	Cục Hàng Hải Việt Nam
6.	1.001830	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển	Cục Hàng Hải Việt Nam
7.	1.001845	Trả lời sự phù hợp quy hoạch cảng cạn	Cục Hàng Hải Việt Nam
8.	1.001889	Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải	Cục Hàng Hải Việt Nam
9.	1.001899	Cho ý kiến đối với dự án xây dựng công trình trong vùng nước cảng biển và các	Cục Hàng Hải Việt Nam

TT	Mã TTHC	Tên Quy trình điện tử	Đơn vị giải quyết
		công trình khác xây dựng trong vùng nước cảng biển	
10.	1.004157	Công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao và các khu nước, vùng nước (bao gồm cả việc đưa kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời vào sử dụng)	Cục Hàng Hải Việt Nam
11.	1.004142	Công bố đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước	Cục Hàng Hải Việt Nam
12.	1.004134	Đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	Cục Hàng Hải Việt Nam
13.	1.002787	Cấp lại Sổ thuyền viên	Cục Hàng Hải Việt Nam
14.	1.002771	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	Cục Hàng Hải Việt Nam; Cục Đường thủy nội địa VN
15.	1.002763	Chấp thuận đặt tên tàu biển	Cục Hàng Hải Việt Nam
16.	1.002687	Đăng ký tàu biển không thời hạn	Cục Hàng Hải Việt Nam
17.	1.002674	Đăng ký tàu biển có thời hạn	Cục Hàng Hải Việt Nam
18.	1.002645	Đăng ký tàu biển tạm thời	Cục Hàng Hải Việt Nam
19.	1.002578	Đăng ký tàu biển đang đóng	Cục Hàng Hải Việt Nam
20.	1.002550	Đăng ký tàu biển loại nhỏ	Cục Hàng Hải Việt Nam
21.	1.002582	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	Cục Hàng Hải Việt Nam
22.	1.002508	Xóa đăng ký	Cục Hàng Hải Việt Nam
23.	1.002472	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM) thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện	Cục Hàng Hải Việt Nam
24.	1.002460	Cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	Cục Hàng Hải Việt Nam

TT	Mã TTHC	Tên Quy trình điện tử	Đơn vị giải quyết
25.	1002448	Cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng tổng quát (GOC), giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng hạn chế (ROC) và Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ trên tàu chở dầu, tàu hóa chất hoặc khí ga hóa lỏng (GCNHLNVĐB)	Cục Hàng Hải Việt Nam
26.	1.002441	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	Cục Hàng Hải Việt Nam
27.	1.002420	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận, Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	Cục Hàng Hải Việt Nam
28.	1.002408	Mở khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng	Cục Hàng Hải Việt Nam
29.	1.002345	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	Cục Hàng Hải Việt Nam
30.	1.002326	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	Cục Hàng Hải Việt Nam
31.	1.000289	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	Cục Hàng Hải Việt Nam
32.	1.000284	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	Cục Hàng Hải Việt Nam
33.	1.000279	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đối với hoa tiêu hàng hải chuyển vùng hoạt động	Cục Hàng Hải Việt Nam
34.	1.000274	Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	Cục Hàng Hải Việt Nam
35.	1.000267	Cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải Phần I	Cục Hàng Hải Việt Nam
36.	1.007949	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt dộng	Cục Hàng Hải Việt Nam, Vụ Môi trường
37.	1.004425	Cấp Giấy phép vận tải nội địa cho tàu nước ngoài	Cục HHVN, Vụ Vận tải
38.	1.002788	Đăng ký và cấp Sổ thuyền viên	Cục Hàng Hải Việt Nam

TT	Mã TTHC	Tên Quy trình điện tử	Đơn vị giải quyết
39.	1.000940	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	Cục Hàng Hải Việt Nam, Vụ Môi trường
40.	1.001223	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	Vụ KHĐT
41.	1.004050	Thủ tục đến cảng biển đối với tàu thuyền nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân hoặc tàu vận chuyển chất phóng xạ	Vụ Vận tải
III - Lĩnh vực Đường thủy nội địa			
1.	1.001520	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa quốc gia	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Vụ KCHTGT
2.	1.000344	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	Cục Hàng Hải Việt Nam; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
3.	1.001404	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa quốc gia	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Vụ KCHTGT
4.	1001436	Công bố mở luồng, tuyến đường thuỷ nội địa chuyên dùng nối với đường thuỷ nội địa quốc gia, đường thuỷ nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc đường thuỷ nội địa chuyên dùng nối đường thuỷ nội địa quốc gia với đường thuỷ nội địa địa phương	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
5.	1.001512	Công bố đóng luồng, tuyến đường thuỷ nội địa chuyên dùng nối với đường thuỷ nội địa quốc gia; đường thuỷ nội địa chuyên dùng nằm trên địa gới hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc đường thuỷ nội địa chuyên dùng nối đường thuỷ nội địa quốc gia với đường thuỷ nội địa địa phương	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Vụ KCHTGT
IV - Lĩnh vực Hàng không			

TT	Mã TTHC	Tên Quy trình điện tử	Đơn vị giải quyết
1.	1.000254	Cấp lại Giấy phép khai thác cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay	Cục HKVN
2.	2.000102	Cấp Giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (giấy phép khai thác cơ sở ANS)	Cục HKVN
3.	1.000271	Thủ tục cấp lại Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay	Cục HKVN
4.	1.000283	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay	Cục HKVN
5.	1.002845	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam	Cục HKVN
6.	1.002849	Cấp lại giấy phép khai thác thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay	Cục HKVN
7.	1.004702	Thủ tục cấp giấy phép khai thác thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay	Cục HKVN
8.	1.002890	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay để cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng	Cục HKVN
9.	1.004709	Thủ tục chấp thuận đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác	Cục HKVN
10.	1.004711	Thủ tục chấp thuận việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
11.	1.004713	Thủ tục sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay	Cục HKVN
12.	1.002855	Sửa đổi Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
13.	1.002866	Cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
14.	1.004716	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN

TT	Mã TTHC	Tên Quy trình điện tử	Đơn vị giải quyết
15.	1.002875	Kê khai giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không	Cục HKVN
16.	1.002880	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
17.	1.004724	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
18.	1.004706	Thủ tục đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
19.	1.002897	Sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
20.	1.004719	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
21.	1.001388	Cấp phép bay đi, đến cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam	Cục HKVN
22.	1.001381	Cấp phép bay quá cảnh cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam	Cục HKVN
23.	1.000465	Thủ tục cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
24.	1.000452	Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
25.	1.003378	Thủ tục Phê duyệt chương trình, quy chế an ninh hàng không, chấp thuận chương trình an ninh hàng không hãng hàng không nước ngoài	Cục HKVN
26.	1.003376	Thủ tục sửa đổi, bổ sung chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không	Cục HKVN
27.	1.004416	Thủ tục phê chuẩn Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế sản phẩm, phụ tùng, thiết bị tàu bay	Cục HKVN
28.	1.004417	Thủ tục Phê chuẩn Tổ chức chế tạo sản phẩm, phụ tùng, thiết bị tàu bay	Cục HKVN
29.	2.001037	Đăng ký Điều lệ vận chuyển của hãng hàng không Việt Nam	Cục HKVN
30.	1.002511	Chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài	Cục HKVN

TT	Mã TTHC	Tên Quy trình điện tử	Đơn vị giải quyết
31.	1.002523	Cấp quyền vận chuyển hàng không	Cục HKVN
32.	1.002894	Phê duyệt Hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không	Cục HKVN
33.	1.002899	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại	Cục HKVN
34.	1.002903	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại	Cục HKVN
35.	1.003472	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng thương hiệu của hãng hàng không khác đối với hãng hàng không kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại	Cục HKVN
36.	1.003538	Gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận Tổ chức chế tạo sản phẩm, thiết bị, phụ tùng tàu bay	Cục HKVN
37.	1.003551	Gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận Tổ chức thiết kế sản phẩm, thiết bị, phụ tùng tàu bay	Cục HKVN
38.	1.004415	Phê chuẩn sửa đổi, bổ sung tài liệu hướng dẫn khai thác, bảo dưỡng của người khai thác tàu bay	Cục HKVN
39.	1.004414	Thủ tục Phê chuẩn việc sử dụng thiết bị huấn luyện bay mô phỏng (SIM)	Cục HKVN
40.	1.004317	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay	Cục HKVN
41.	1.004411	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu	Cục HKVN
42.	1004408	Cấp, công nhận Giấy chứng nhận loại	Cục HKVN
43.	1.004362	Thủ tục cấp, gia hạn, công nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay	Cục HKVN
44.	1.003850	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)	Cục HKVN
45.	1.004986	Thủ tục Sửa đổi Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)	Cục HKVN
46.	1.003818	Thủ tục Gia hạn Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)	Cục HKVN

TT	Mã TTHC	Tên Quy trình điện tử	Đơn vị giải quyết
47.	1.004306	Thủ tục Gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay	Cục HKVN
48.	1.004682	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không	Cục HKVN
49.	1.004674	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh cảng hàng không	Cục HKVN
50.	1.003708	Thủ tục đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam	Cục HKVN
51.	1.003747	Thủ tục đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam	Cục HKVN
52.	1.003663	Thủ tục xóa đăng ký quốc tịch tàu bay	Cục HKVN
53.	1.003389	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay	Cục HKVN
54.	1.000423	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung	Vụ Vận tải
55.	1.000312	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung	Vụ Vận tải
56.	1.002886	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không	Vụ KCHTGT
57.	1.001369	Mở cảng hàng không, sân bay	Vụ KCHTGT
V - Lĩnh vực Đăng kiểm			
1.	1.001364	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Cục ĐKVN
2.	1.000225	Duyệt tài liệu hướng dẫn tàu biển	Cục ĐKVN
3.	2.000087	Thẩm định thiết kế tàu biển	Cục ĐKVN
4.	1.004318	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển (công trình	Cục ĐKVN

TT	Mã TTHC	Tên Quy trình điện tử	Đơn vị giải quyết
		biển)	
5.	1.001001	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	Cục ĐKVN
6.	1.001322	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Cục ĐKVN
7.	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Cục ĐKVN
8.	1.001319	Cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới	Cục ĐKVN
9.	1.001325	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới trường hợp hết thời hạn hiệu lực	Cục ĐKVN
10.	1.001326	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới trường hợp bị mất, bị hỏng	Cục ĐKVN
11.	1.005002	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp các linh kiện sử dụng để lắp ô tô, rơ moóc và sơ mi rơ moóc	Cục ĐKVN
12.	1.005001	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô, rơ moóc và sơ mi rơ moóc	Cục ĐKVN
13.	1.004985	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy	Cục ĐKVN
14.	1.004983	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho kiểu loại linh kiện xe mô tô, xe gắn máy	Cục ĐKVN
15.	1.004981	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô (thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP)	Cục ĐKVN
16.	1.007936	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô (thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP)	Cục ĐKVN
17.	1.007937	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô (thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP)	Cục ĐKVN
18.	3.000136	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế ô tô thuộc đối tượng của Nghị định	Cục ĐKVN

TT	Mã TTHC	Tên Quy trình điện tử	Đơn vị giải quyết
		116/2017/NĐ-CP	
19.	3.000133	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại sản phẩm (xe ô tô sản xuất, lắp ráp thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP)	Cục ĐKVN
20.	3.000134	Cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại sản phẩm (xe ô tô sản xuất, lắp ráp thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP)	Cục ĐKVN
21.	3.000135	Cấp mở rộng, bổ sung Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại sản phẩm (xe ô tô sản xuất, lắp ráp thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP)	Cục ĐKVN
22.	1.007938	Cấp đổi Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại sản phẩm (xe ô tô sản xuất, lắp ráp thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP)	Cục ĐKVN
23.	1.005107	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe máy chuyên dùng cải tạo	Cục ĐKVN
VI - Lĩnh vực khác			
1.	1.005026	Chấp thuận cho phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam	Vụ Vận tải
2.	1.008058	Xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển Giao thông vận tải Việt Nam"	Vụ TCCB
3.	1.005052	Xét tặng Danh hiệu Chiến sỹ thi đua Ngành Giao thông vận tải	Vụ TCCB
4.	1.005048	Xét tặng Danh hiệu Cờ thi đua của Bộ Giao thông vận tải	Vụ TCCB
5.	1.005045	Xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	Vụ TCCB
6.	1.005192	Cho phép nhập khẩu hàng hóa để nghiên cứu khoa học	Vụ KHCN